TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1212/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1980, địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Phương T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Phương T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 05/01/2008 cho bà Nguyễn Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thực hiện.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận ;nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông T chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí ly hôn: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Phương T1 cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007441 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Bến Tre. (theo giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số I/2006, ngày 29/12/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương